

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH
Số: ~~363~~/TTr-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quảng Bình, ngày ~~15~~ tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị ban hành Nghị quyết phê duyệt phương án sử dụng và trả nợ vốn vay ODA của Chính phủ Hungary để thực hiện dự án Cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 2

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình

Thực hiện chương trình, nội dung, kế hoạch của Thường trực HĐND tỉnh về tổ chức Kỳ họp lần thứ 19 (kỳ họp chuyên đề) HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 – 2020, UBND tỉnh đã dự thảo Nghị quyết phê duyệt phương án sử dụng và trả nợ vốn vay ODA của Chính phủ Hungary để thực hiện Dự án Cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 2.

UBND tỉnh kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết nói trên và giải trình một số vấn đề liên quan như sau:

1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Hungary đã ký kết Hiệp định khung hợp tác tài chính ngày 12/01/2017, trị giá 440 triệu Euro cho các Dự án trong đó có Dự án Cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 2. Ngày 25/6/2020, Bộ Ngoại giao Hungary đã có Công hàm số KKM/7627-12/2020/Adm về việc sửa đổi Hiệp định khung nói trên. Trên cơ sở đó, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt chủ trương đầu tư của dự án tại Quyết định số 1842/QĐ-TTg ngày 18/11/2020. Việc thực hiện Dự án Cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình Giai đoạn 2 sẽ góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân vùng phía Bắc sông Gianh, huyện Quảng Trạch và thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình; Thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, cơ sở hạ tầng các xã vùng bắc sông Gianh, huyện Quảng Trạch cũng như sự phát triển đồng đều của cả vùng Bắc Quảng Bình.

Do đây là dự án có cơ chế tài chính trong nước đối với nguồn vốn ODA: Ngân sách Trung ương cấp phát 60% và tỉnh vay lại 40% theo quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ nên căn cứ theo Điều 19 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 16 của Luật Quản lý nợ công năm 2017, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua phương án sử dụng và trả nợ vốn vay của Dự án cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình Giai đoạn 2 để UBND tỉnh có cơ sở phê duyệt phương án sử dụng và trả nợ vốn vay; Hoàn chỉnh thủ tục vay lại gửi Bộ Tài chính ký hợp đồng cho vay lại theo quy định tại Điều 38 Luật Quản lý nợ công năm 2017 và Điều 27 Nghị định

số 97/2018/NĐ-CP cũng như làm cơ sở xây dựng kế hoạch vay và trả nợ gốc hàng năm của tỉnh Quảng Bình.

2. Quá trình soạn thảo dự thảo Nghị quyết:

Trên cơ sở nhiệm vụ được HĐND tỉnh giao, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện các quy trình, thủ tục trong xây dựng Nghị quyết; Tổ chức lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan; Và chỉ đạo Sở Tư pháp thẩm định dự thảo theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh được giao trong Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản QPPL; trên cơ sở Luật Quản lý nợ công, Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020, Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018, UBND tỉnh kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết nêu trên.

3. Nội dung, bố cục của dự thảo Nghị quyết:

Dự thảo Nghị quyết gồm 03 Điều, trong đó:

Điều 1: Bao gồm: (i) Nội dung dự án Cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình Giai đoạn 2 (Với các nội dung: Tên dự án; Nhà tài trợ; Cơ quan chủ quản dự án; Chủ dự án; Địa điểm thực hiện; Thời gian thực hiện; Mục tiêu đầu tư; Quy mô đầu tư; Tổng mức đầu tư và nguồn vốn; Cơ chế tài chính trong nước); (ii) Phương án sử dụng và trả nợ vốn vay (với các nội dung: Phương án sử dụng vốn; Cơ chế vay lại; Tổng giá trị khoản vay lại; Phương án trả nợ; Nguồn vốn trả nợ).

Điều 2 Giao trách nhiệm cho UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3 Quy định hiệu lực của Nghị quyết.

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét ban hành./k

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở KHĐT;
- UBND thị xã Ba Đồn;
- UBND huyện Quảng Trạch;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Mạnh Hùng

Số:/NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày ... tháng ... năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Thông qua phương án sử dụng và trả nợ vốn vay ODA của Chính phủ Hungary để thực hiện Dự án Cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, Giai đoạn 2

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH,
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Hiệp định khung hợp tác tài chính trị được ký ngày 12/01/2017 giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Hungary; Công hàm số KKM/7627-12/2020/Adm ngày 25/6/2020 của Bộ Ngoại giao và Thương mại Hungary về việc sửa đổi Hiệp định khung;

Căn cứ Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA và vốn vay ưu đãi của Nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 1842/QĐ-TTg ngày 18/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2” sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Hungary.

Xét Tờ trình số...../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2021 của UBND tỉnh về việc đề nghị HĐND tỉnh thông qua phương án sử dụng và trả nợ vốn vay ODA của Chính phủ Hungary để thực hiện Dự án Cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua phương án sử dụng và trả nợ vốn vay ODA của Chính phủ Hungary để thực hiện Dự án Cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 2 như sau:

I. NỘI DUNG DỰ ÁN

1. **Tên Dự án:** Cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình GD2.

2. **Nhà tài trợ:** Chính phủ Hungary.

3. **Cơ quan chủ quản dự án:** UBND tỉnh Quảng Bình.

4. **Chủ dự án:** UBND huyện Quảng Trạch.

5. **Địa điểm thực hiện:** 07 xã: Phù Hóa, Quảng Trường, Quảng Thanh, Quảng Liên, Cảnh Hóa, Quảng Phương, Quảng Xuân thuộc huyện Quảng Trạch; Và 05 phường: Quảng Thọ, Quảng Thuận, Quảng Phong, Quảng Long, Quảng Phúc thuộc thị xã Ba Đồn.

6. **Thời gian thực hiện:** Năm 2020-2024.

7. **Mục tiêu đầu tư:**

Cung cấp nước sạch an toàn và ổn định phục vụ sinh hoạt, sản xuất cho khu vực phía Bắc sông Gianh huyện Quảng Trạch và một số khu vực thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, góp phần nâng cao sức khỏe, cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân vùng Dự án, phát triển kinh tế - xã hội địa phương, thúc đẩy sự phát triển đồng đều của cả vùng phía Bắc tỉnh Quảng Bình.

8. **Quy mô đầu tư:**

Xây dựng hệ thống nhà máy xử lý nước sạch công suất 12.000m³/ngày đêm và các hạng mục công việc liên quan để vận hành, phân phối nước sạch bao gồm:

- Tuyến ống nước thô (khoảng 14km).

- Trạm bơm tăng áp 150m³/h.

- Hệ thống cấp điện đầu nguồn và trạm biến áp (công suất 500 KVA cho nhà máy xử lý nước và 100 KVA cho trạm bơm tăng áp).

- Mạng lưới tuyến ống dẫn nước sạch gồm khoảng 18 km tuyến ống cấp 1; 52 km tuyến ống cấp 2 và 150 km tuyến ống cấp ba dịch vụ và đấu nối hộ gia đình.

9. **Tổng mức đầu tư và nguồn vốn:**

Tổng mức đầu tư dự án là: 15.738.887 Euro.

Trong đó:

- Vốn vay ODA của Chính phủ Hungary: 13.693.720 Euro.

+ Ngân sách TW cấp phát (60%): 8.216.232 Euro.

+ Cho vay lại (40%): 5.477.488 Euro.

- Vốn đối ứng: 2.045.167 Euro.

10. **Cơ chế tài chính trong nước:**

a) Đối với phần vốn vay ODA của Chính phủ Hungary: 13.693.720 Euro.

- Cơ chế tài chính trong nước: Ngân sách Trung ương cấp phát 60%, tỉnh vay lại 40%.

- Toàn bộ nguồn vốn vay lại được thực hiện theo Hợp đồng cho vay lại giữa UBND tỉnh và Bộ Tài chính, và sẽ giao cho Chủ Dự án quản lý và sử dụng đầu tư xây dựng các hạng mục được phê duyệt và nội dung ký kết trong Hiệp định tín dụng.

b) Đối với nguồn vốn đối ứng: 2.045.167 Euro.

Ngân sách địa phương tự cân đối (Tỉnh, TX Ba Đồn, huyện Quảng Trạch).

II. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN VAY

1. **Về phương án sử dụng vốn:**

a) Toàn bộ phần vốn vay ODA của Chính phủ Hungary (13.693.720 Euro): được sử dụng để đầu tư xây lắp và thiết bị.

b) Vốn đối ứng (2.045.167 Euro): được sử dụng để chi trả công tác đền bù giải phóng mặt bằng; chi phí chuẩn bị đầu tư (tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi); thuế VAT; chi phí quản lý dự án; và dự phòng...

2. Cơ chế vay lại:

UBND tỉnh sẽ ký Hợp đồng cho vay lại với Bộ Tài chính đối với nguồn vốn tỉnh vay lại của Dự án (5.477.488 Euro) theo cơ chế tài chính như sau:

- Lãi suất vay 0%.
- Thời gian vay: 28 năm.
- Thời gian ân hạn: 03 năm.
- Số lần trả nợ: 2 lần/năm.

3. Tổng giá trị khoản vay lại: 5.477.488 Euro.

4. Phương án trả nợ: Dự kiến thời gian vay 28 năm, 03 năm ân hạn, bắt đầu trả nợ gốc từ năm 2025, đến năm 2050.

(Chi tiết có phục lục đính kèm).

5. Nguồn vốn trả nợ: Từ nguồn thu tiền nước của Dự án Cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch (Giai đoạn 1 + Giai đoạn 2).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện Nghị quyết này. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, kỳ họp thứ thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày ... tháng Năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT; TC;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UB MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND huyện Quảng Trạch, UBND thị xã Ba Đồn;
- Báo Quảng Bình, Đài PTTH Quảng Bình;
- Trung tâm tin học- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

**Phụ lục: PHƯƠNG ÁN TRẢ NỢ VỐN VAY DỰ ÁN CẤP NƯỚC SINH HOẠT
HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH GIAI ĐOẠN 2**
(Kèm theo Nghị quyết số: .../2021/NQ-HĐND ngày .../.../2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình)

Kỳ trả nợ	Ngày đến hạn	Tiền nợ gốc tính vay lại	Dự nợ gốc tính vay lại	Tỷ lệ hoàn trả nợ gốc	Số tiền hoàn trả nợ gốc trong kỳ	Lãi suất cho vay lại	Tổng số tiền trả nợ vay lại
		(EURO)	(EURO)		(EURO)		(EURO)
1	2021						
2	2022	5.477.488	5.477.488				
3	2023		5.477.488				
4	2024		5.477.488				
7	31/12/2025		5.477.488	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
8	30/06/2026		5.367.938	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
9	31/12/2026		5.258.388	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
10	30/06/2027		5.148.839	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
11	31/12/2027		5.039.289	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
12	30/06/2028		4.929.739	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
13	31/12/2028		4.820.189	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
14	30/06/2029		4.710.640	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
15	31/12/2029		4.601.090	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
16	30/06/2030		4.491.540	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
17	31/12/2030		4.381.990	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
18	30/06/2031		4.272.441	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
19	31/12/2031		4.162.891	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
20	30/06/2032		4.053.341	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
21	31/12/2032		3.943.791	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
22	30/06/2033		3.834.242	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
23	31/12/2033		3.724.692	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
24	30/06/2034		3.615.142	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
25	31/12/2034		3.505.592	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
26	30/06/2035		3.396.043	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
27	31/12/2035		3.286.493	2,00%	109.549,76	-	109.549,76

28	30/06/2036		3.176.943	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
29	31/12/2036		3.067.393	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
30	30/06/2037		2.957.844	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
31	31/12/2037		2.848.294	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
32	30/06/2038		2.738.744	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
33	31/12/2038		2.629.194	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
34	30/06/2039		2.519.644	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
35	31/12/2039		2.410.095	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
36	30/06/2040		2.300.545	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
37	31/12/2040		2.190.995	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
38	30/06/2041		2.081.445	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
39	31/12/2041		1.971.896	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
40	30/06/2042		1.862.346	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
41	31/12/2042		1.752.796	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
42	30/06/2043		1.643.246	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
43	31/12/2043		1.533.697	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
44	30/06/2044		1.424.147	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
45	31/12/2044		1.314.597	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
46	30/06/2045		1.205.047	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
47	31/12/2045		1.095.498	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
48	30/06/2046		985.948	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
49	31/12/2046		876.398	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
50	30/06/2047		766.848	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
51	31/12/2047		657.299	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
52	30/06/2048		547.749	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
53	31/12/2048		438.199	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
54	30/6/2049		328.649	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
55	31/12/2049		219.100	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
56	30/6/2050		109.550	2,00%	109.549,76	-	109.549,76
					5.477.488		5.477.488